

XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ TRÌNH ĐỘ THỂ LỰC CHUYÊN MÔN VÀ KỸ THUẬT CƠ BẢN CỦA NAM SINH VIÊN CHUYÊN NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT KHÍ HỌC MÔN CẦU LÔNG TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

Phạm Việt Thanh^{1*}, Vi Quốc Huân² và Nguyễn Phước Vĩnh Kỳ³

¹Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

²Trường Cao đẳng Sư phạm Đà Lạt, Việt Nam

³Trường Đại học Khánh Hòa, Việt Nam

*Tác giả liên hệ: thanhpham1406@gmail.com

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 31/12/2019; Ngày nhận chỉnh sửa: 24/02/2020; Ngày duyệt đăng: 09/3/2020

Tóm tắt

Nghiên cứu đã xác định được 10 test phù hợp, có giá trị sử dụng cao để đưa vào kiểm tra thành tích thể lực chuyên môn và kỹ thuật cơ bản của nam sinh viên chuyên ngành Giáo dục thể chất khí học môn Cầu lông tại Trường Đại học Đồng Tháp. Qua đó, nghiên cứu đã xây dựng được thang điểm C, tiêu chuẩn phân loại, cũng như ứng dụng tiêu chuẩn đánh giá thể lực chuyên môn và kỹ thuật cơ bản của nam sinh viên chuyên ngành Giáo dục thể chất khí học môn cầu lông tại Trường Đại học Đồng Tháp.

Từ khóa: Tiêu chuẩn, thể lực chuyên môn, kỹ thuật cơ bản, cầu lông, Trường Đại học Đồng Tháp.

BUILDING ASSESSMENT CRITERIA TO MEASURE PROFESSIONAL FITNESS AND BASIC TECHNIQUES IN BADMINTON PLAYING BY MALE STUDENTS MAJORING IN PHYSICAL EDUCATION AT DONG THAP UNIVERSITY

Pham Viet Thanh^{1*}, Vi Quoc Huan², and Nguyen Phuoc Vinh Ky³

¹Dong Thap University, Vietnam

²Pedagogical College of Da Lat, Vietnam

³Khanh Hoa of University, Vietnam

*Corresponding author: thanhpham1406@gmail.com

Article history

Received: 31/12/2019; Received in revised form: 24/02/2020; Accepted: 09/3/2020

Abstract

The study has successfully identified ten tests of high validity to measure professional fitness and basic techniques in badminton-playing after one year of practice by male students majoring in physical education at Dong Thap University. Accordingly, the study has constructed a C-scale and classification criteria as well as applying this set to assess professional fitness and basic techniques in badminton-playing by male students majoring in physical education at Dong Thap University.

Keywords: Criteria, professional fitness, basic technique, badminton, Dong Thap University.

DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.9.2.2020.774>

Trích dẫn: Phạm, V. T., Vi, Q. H., & Nguyễn, P. V. K. (2020). Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá trình độ thể lực chuyên môn và kỹ thuật cơ bản của nam sinh viên chuyên ngành Giáo dục thể chất khí học môn Cầu lông tại Trường Đại học Đồng Tháp. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 9(2), 24-32. <https://doi.org/10.52714/dthu.9.2.2020.774>.

1. Đặt vấn đề

Cầu lông là môn thể thao với đặc trưng là những đường cầu diễn ra nhanh, biến hóa, phức tạp với tốc độ cao, nên đòi hỏi người chơi phải sử dụng rất nhiều kỹ - chiến thuật và đặc biệt là thể lực. Khi tập luyện và thi đấu cầu lông, bên cạnh việc chú trọng tập các kỹ thuật cơ bản thì việc tập luyện thể lực chuyên môn cũng đóng vai trò vô cùng quan trọng. Một vận động viên dù có kỹ thuật tốt đến đâu, nếu không có được thể lực chuyên môn tốt và ngược lại thì hiệu quả tập luyện và thi đấu cũng sẽ không cao. Thế nên, trong quá trình giảng dạy việc phát triển các yếu tố về kỹ thuật cơ bản và thể lực chuyên môn là hết sức cần thiết và quan trọng đối với việc phát triển năng lực chuyên môn cho sinh viên chuyên ngành học môn Cầu lông.

Thực tế cho thấy, việc kiểm tra đánh giá trình độ thể lực chuyên môn và kỹ thuật cơ bản của sinh viên chuyên ngành Giáo dục thể chất (GDTC) học môn Cầu lông chưa theo tiêu chuẩn khoa học, mà chỉ dựa trên kinh nghiệm của các giảng viên là chính. Các thang điểm đưa ra đánh giá mang tính cảm tính, chưa khoa học, dẫn đến đánh giá chưa chính xác, không đảm bảo khách quan. Vì vậy, việc đánh giá trình độ thể lực chuyên môn và kỹ thuật cơ bản của nam sinh viên chuyên ngành học môn Cầu lông chính xác theo một tiêu chuẩn khoa học sẽ cung cấp những thông tin khoa học có giá trị cao, làm cơ sở xây dựng và điều chỉnh kế hoạch giảng dạy phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy môn Cầu lông cho sinh viên chuyên ngành GDTC Trường Đại học Đồng Tháp. Với tầm quan trọng đó, chúng tôi thực hiện nghiên cứu: “Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá trình độ thể lực chuyên môn và kỹ thuật cơ bản của nam sinh viên chuyên ngành GDTC khi học môn Cầu lông tại Trường Đại học Đồng Tháp”.

- Phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu sử dụng các phương pháp thường quy trong thể dục thể thao để nghiên cứu như: Phương pháp tham khảo tài liệu, phương pháp phỏng vấn, phương pháp kiểm tra sư phạm, phương pháp thống kê toán học.

- Khách thể nghiên cứu: Gồm 15 nam sinh viên chuyên ngành GDTC (lớp đại học GDTC khóa 2017).

- Thời gian nghiên cứu: Học kỳ 1, năm học 2019-2020.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Xác định các test đánh giá thể lực chuyên môn và kỹ thuật cơ bản môn Cầu lông

Để xác định được các test đánh giá thể lực chuyên môn và kỹ thuật cơ bản cho nam sinh viên chuyên ngành GDTC khi học môn Cầu lông tại Trường Đại học Đồng Tháp, chúng tôi tiến hành theo các bước sau:

- Tổng hợp các test từ những công trình nghiên cứu có liên quan.

- Phỏng vấn các chuyên gia.

- Kiểm nghiệm độ tin cậy và tính thông báo.

2.1.1. Tổng hợp các test từ các công trình nghiên cứu có liên quan

Qua tham khảo các công trình nghiên cứu của các tác giả Phạm (2011), Trần (2013), Hoàng (2014), Lương (2015), Lê (2018), Nguyễn (2018b), Nguyễn (2018a) nghiên cứu đã tổng hợp được 10 test về thể lực và 08 test về kỹ thuật để đưa vào phỏng vấn. Đây là những test thường được sử dụng, phù hợp với đặc điểm của sinh viên và điều kiện thực tế tại Trường Đại học Đồng Tháp. Các test được chọn đưa vào phỏng vấn bao gồm: Về thể lực: Chạy XPC 30m (s), Di chuyển ngang sân đơn 10 lần (s), Di chuyển ngang sân đơn 40 lần (s), Di chuyển tiến lùi mô phỏng động tác đập sùi cầu 10 lần (s), Di chuyển 4 góc sân 10 lần (s), Bật nhảy đập cầu mạnh 20 quả (s), Bật xa tại chỗ (cm), Nhảy dây đơn 1 phút (lần), Ném cầu đi xa (cm), Nằm sấp chống đẩy (lần); Về kỹ thuật: Treo cầu thuận tay đường thẳng sát lưới ô 80 x 80cm 20 quả, Lốp cầu vào ô quy định 20 quả (điểm), Phát cầu cao sâu thuận tay 20 quả (điểm), Phát cầu thấp gần trái tay 20 quả (điểm), Đập cầu dọc biên vào ô bằng 1/4 sân đơn 20 quả (quả), Đập cầu thẳng 10 quả vào ô (quả), Tạt cầu dọc biên vào ô 1mx1m 20 quả (quả), Bỏ nhỏ 2 góc lưới 20 quả (điểm).

2.1.2. *Kết quả phỏng vấn lựa chọn các test đánh giá thể lực chuyên môn và kỹ thuật cơ bản của nam sinh viên chuyên ngành GDTC khi học môn Cầu lông tại Trường Đại học Đồng Tháp*

Nghiên cứu xây dựng phiếu và phỏng vấn 15 chuyên gia là các giảng viên và giáo viên giảng dạy môn cầu lông có nhiều kinh nghiệm.

Thời gian cách nhau giữa hai lần phỏng vấn là một tháng, nội dung và cách thức đều như nhau. Phỏng vấn 2 lần theo các mức (Thường sử dụng: 02 điểm; Ít sử dụng: 01 điểm, không sử dụng: 0 điểm), kiểm định kết quả hai lần phỏng vấn qua chỉ số khi bình phương (χ^2). Kết quả thu được tại Bảng 1.

Bảng 1. So sánh kết quả hai lần phỏng vấn các test đánh giá thể lực chuyên môn và kỹ thuật cơ bản của nam sinh viên chuyên ngành GDTC khi học môn Cầu lông tại Trường Đại học Đồng Tháp

| YẾU TỐ | TT | TEST | LẦN 1 n = 15 | | LẦN 2 n = 15 | | χ^2 | P |
|----------|----|--|--------------|--------------|--------------|--------------|-------------|-----------------|
| | | | \sum điểm | Tỷ lệ % | \sum điểm | Tỷ lệ % | | |
| THỂ LỰC | 1 | Chạy XPC 30m (s) | 13 | 43,33 | 17 | 56,67 | 1,07 | >0,05 |
| | 2 | Di chuyển ngang sân đơn 10 lần (s) | 26 | 86,67 | 27 | 90,00 | 0,16 | >0,05 |
| | 3 | Di chuyển ngang sân đơn 40 lần (s) | 15 | 50,00 | 18 | 60,00 | 0,61 | >0,05 |
| | 4 | Di chuyển tiến lùi mô phỏng động tác đập sủi cầu 10 lần (s) | 28 | 93,33 | 26 | 86,67 | 0,74 | >0,05 |
| | 5 | Di chuyển 4 góc sân 10 lần (s) | 25 | 83,33 | 27 | 90,00 | 0,58 | >0,05 |
| | 6 | Bật nhảy đập cầu mạnh 20 quả (s) | 15 | 50,00 | 17 | 56,67 | 0,27 | >0,05 |
| | 7 | Bật xa tại chỗ (cm) | 16 | 53,33 | 19 | 63,33 | 0,62 | >0,05 |
| | 8 | Nhảy dây đơn 1 phút (lần) | 27 | 90,00 | 28 | 93,33 | 0,22 | >0,05 |
| | 9 | Ném cầu đi xa (cm) | 24 | 80,00 | 26 | 86,67 | 0,48 | >0,05 |
| | 10 | Nằm sấp chống đẩy (lần) | 23 | 76,67 | 24 | 80,00 | 0,10 | >0,05 |
| KỸ THUẬT | 11 | Treo cầu thuận tay đường thẳng sát lưới ô 80cmx80cm 20 quả | 11 | 36,67 | 13 | 43,33 | 0,28 | >0,05 |
| | 12 | Lốp cầu vào ô quy định 20 quả (điểm) | 25 | 83,33 | 26 | 86,67 | 0,13 | >0,05 |
| | 13 | Phát cầu cao sâu thuận tay 20 quả (điểm) | 23 | 76,67 | 27 | 90,00 | 1,92 | >0,05 |
| | 14 | Phát cầu thấp gần trái tay 20 quả (điểm) | 27 | 90,00 | 28 | 93,33 | 0,22 | >0,05 |
| | 15 | Đập cầu dọc biên vào ô bằng 1/4 sân đơn 20 quả (quả) | 14 | 46,67 | 16 | 53,33 | 0,27 | >0,05 |
| | 16 | Đập cầu thẳng 10 quả vào ô (quả) | 17 | 56,67 | 19 | 63,33 | 0,28 | >0,05 |
| | 17 | Tạt cầu dọc biên vào ô 1mx1m 20 quả (quả) | 15 | 50,00 | 16 | 53,33 | 0,07 | >0,05 |
| | 18 | Bỏ nhỏ 2 góc lưới 20 quả (điểm) | 23 | 76,67 | 27 | 90,00 | 1,92 | >0,05 |

2.1.3. *Kiểm nghiệm độ tin cậy và tính thông báo*

Kiểm nghiệm độ tin cậy: Để kiểm nghiệm

được độ tin cậy của các test đã lựa chọn, nghiên cứu tiến hành xác định hệ số tương quan giữa 2 lần kiểm tra trên khách thể nghiên cứu bằng

phương pháp test lặp lại (Re-test). Thời gian giữa 2 lần kiểm tra cách nhau 1 tuần, tuần tự lặp test, điều kiện kiểm tra và quãng nghỉ giữa hai lần và các cách thức tiến hành đều đảm bảo như nhau. Kết quả thu được ở Bảng 2.

Bảng 2. Hệ số tin cậy các test đánh giá thể lực chuyên môn và kỹ thuật cơ bản của nam sinh viên khi học môn Cầu lông tại Trường Đại học Đồng Tháp

| YẾU TỐ | TT | TEST | Lần 1 | Lần 2 | r | P |
|----------|----|---|-------------------|-------------------|------|-------|
| | | | $(\bar{X} \pm S)$ | $(\bar{X} \pm S)$ | | |
| THỂ LỰC | 1 | Nhảy dây đơn 1 phút (lần) | 84,13 ± 4,96 | 84,53 ± 4,78 | 0,91 | <0,01 |
| | 2 | Di chuyển ngang sân đơn 10 lần (s) | 37,73 ± 1,94 | 37,80 ± 2,08 | 0,82 | <0,01 |
| | 3 | Di chuyển tiến lùi mô phỏng động tác đập sùi cầu 10 lần (s) | 48,73 ± 1,91 | 48,47 ± 1,81 | 0,81 | <0,01 |
| | 4 | Di chuyển 4 góc sân 10 lần (s) | 107,07 ± 5,39 | 105,40 ± 5,05 | 0,87 | <0,01 |
| | 5 | Ném cầu đi xa (cm) | 732,80 ± 12,98 | 731,13 ± 13,21 | 0,94 | <0,01 |
| | 6 | Nằm sấp chống đẩy (lần) | 16,73 ± 1,62 | 16,67 ± 1,54 | 0,87 | <0,01 |
| KỸ THUẬT | 7 | Lốp cầu vào ô quy định 20 quả (điểm) | 23,40 ± 2,32 | 23,20 ± 3,10 | 0,82 | <0,01 |
| | 8 | Phát cầu cao sâu thuận tay 20 quả (điểm) | 22,00 ± 2,17 | 22,20 ± 2,21 | 0,80 | <0,01 |
| | 9 | Phát cầu thấp gần trái tay 20 quả (điểm) | 27,80 ± 2,11 | 27,60 ± 2,03 | 0,93 | <0,01 |
| | 10 | Bỏ nhỏ 2 góc lưới 20 quả (điểm) | 26,60 ± 2,75 | 27,20 ± 2,88 | 0,82 | <0,01 |

Kết quả ở Bảng 2 cho thấy, tất cả 10 test đều có hệ số tương quan $r > 0,8$ ở ngưỡng $P < 0,01$. Như vậy tất cả 10 test trên đều đảm bảo độ tin cậy cần thiết dùng để đánh giá thể lực chuyên môn và kỹ thuật cơ bản của nam sinh viên chuyên ngành GDTC khi học môn Cầu lông tại Trường Đại học Đồng Tháp. Tuy nhiên, để đảm bảo mức độ chính xác và chất lượng của các test, nghiên cứu tiến hành xác định tính thông báo của 10 test trên.

Xác định tính thông báo: Để kiểm nghiệm tính thông báo của các test đã chọn, nghiên cứu tiến hành xác định hệ số thông báo bằng cách xác định mối tương quan giữa kết quả kiểm tra của các test với thành tích thi đấu xếp hạng của khách thể nghiên cứu. Sử dụng công thức tính hệ số tương quan thứ bậc của Spirmen, nếu hệ số tương quan $r \geq 0,6$ thì test đó có thể dùng để dự báo. Kết quả thu được ở Bảng 3.

Bảng 3. Kết quả hệ số thông báo các test đánh giá thể lực chuyên môn và kỹ thuật cơ bản của nam sinh viên chuyên ngành GDTC khi học môn Cầu lông tại Trường Đại học Đồng Tháp

| YẾU TỐ | TT | TEST | r | P |
|----------|----|---|-------|-------|
| THỂ LỰC | 1 | Nhảy dây đơn 1 phút (lần) | 0,855 | <0,05 |
| | 2 | Di chuyển ngang sân đơn 10 lần (s) | 0,817 | <0,05 |
| | 3 | Di chuyển tiến lùi mô phỏng động tác đập sùi cầu 10 lần (s) | 0,772 | <0,05 |
| | 4 | Di chuyển 4 góc sân 10 lần (s) | 0,834 | <0,05 |
| | 5 | Ném cầu đi xa (cm) | 0,857 | <0,05 |
| | 6 | Nằm sấp chống đẩy (lần) | 0,825 | <0,05 |
| KỸ THUẬT | 7 | Lốp cầu vào ô quy định 20 quả (điểm) | 0,738 | <0,05 |
| | 8 | Phát cầu cao sâu thuận tay 20 quả (điểm) | 0,636 | <0,05 |
| | 9 | Phát cầu thấp gần trái tay 20 quả (điểm) | 0,650 | <0,05 |
| | 10 | Bỏ nhỏ 2 góc lưới 20 quả (điểm) | 0,621 | <0,05 |

Kết quả ở Bảng 3 cho thấy, ở tất cả 10 test đều có hệ số thông báo $r > 0,6$ ở ngưỡng $P < 0,05$. Điều này chứng tỏ giữa kết quả kiểm tra của các test với thành tích thi đấu của khách thể nghiên cứu có mối tương quan chặt với nhau. Như vậy, cả 10 test trên đều đảm bảo có đầy đủ tính thông báo để đưa vào đánh giá thể lực chuyên môn và kỹ thuật cơ bản của nam sinh viên chuyên ngành GDTC khi học môn Cầu lông tại Trường Đại học Đồng Tháp.

Tóm lại, qua tổng hợp, phỏng vấn lựa chọn và kiểm nghiệm độ tin cậy, tính thông báo, nghiên cứu đã xác định được 06 test về thể lực và 04 test về kỹ thuật dùng để đánh giá thể lực chuyên môn và kỹ thuật cơ bản của nam sinh viên chuyên ngành GDTC khi học môn Cầu lông tại Trường Đại học Đồng Tháp, bao gồm:

Về thể lực: Nhảy dây đơn 1 phút (lần), Di chuyển ngang sân đơn 10 lần (s), Di chuyển tiến lùi mô phỏng động tác đập sủi cầu 10 lần (s), Di chuyển 4 góc sân 10 lần (s), Ném cầu đi xa (cm), Nằm sấp chống đẩy (lần).

Về kỹ thuật: Lốp cầu vào ô quy định 20 quả (điểm), Phát cầu cao sâu thuận tay 20 quả (điểm), Phát cầu thấp gần trái tay 20 quả (điểm), Bỏ nhỏ 2 góc lưới 20 quả (điểm).

2.2. Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá trình độ thể lực chuyên môn và kỹ thuật cơ bản của nam sinh viên chuyên ngành GDTC khi học môn Cầu lông tại Trường Đại học Đồng Tháp

2.2.1. Xây dựng thang điểm C

Để tạo thuận lợi cho việc xác định mức độ thành tích đối với từng test và để đánh giá được thể lực chuyên môn và kỹ thuật cơ bản cho từng sinh viên cũng như để so sánh trình độ giữa các sinh viên với nhau, nghiên cứu xây dựng thang điểm C.

Căn cứ vào kết quả kiểm tra ban đầu thu được về thể lực chuyên môn và kỹ thuật cơ bản của nam sinh viên chuyên ngành GDTC Trường Đại học Đồng Tháp, nghiên cứu tiến hành xây dựng thang điểm C theo từng test. Kết quả được trình bày ở Bảng 4.

Bảng 4. Bảng điểm thành tích các test đánh giá thể lực chuyên môn và kỹ thuật cơ bản của nam sinh viên chuyên ngành GDTC khi học môn Cầu lông tại Trường Đại học Đồng Tháp

| YẾU TỐ | TIÊU CHÍ | ĐIỂM | | | | | | | | | |
|----------|---|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|-------|-------|-------|
| | | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| THỂ LỰC | Nhảy dây đơn 1 phút (lần) | 74 | 77 | 79 | 82 | 84 | 87 | 89 | 92 | 94 | 97 |
| | Di chuyển ngang sân đơn 10 lần (s) | 41,62 | 40,65 | 39,68 | 38,71 | 37,73 | 36,76 | 35,79 | 34,82 | 33,84 | 32,87 |
| | Di chuyển tiến lùi mô phỏng động tác đập sủi cầu 10 lần (s) | 52,55 | 51,59 | 50,64 | 49,69 | 48,73 | 47,78 | 46,83 | 45,87 | 44,92 | 43,96 |
| | Di chuyển 4 góc sân 10 lần (s) | 117,85 | 115,15 | 112,46 | 109,76 | 107,07 | 104,37 | 101,68 | 98,98 | 96,28 | 93,59 |
| | Ném cầu đi xa (cm) | 707 | 713 | 720 | 726 | 733 | 739 | 746 | 752 | 759 | 765 |
| | Nằm sấp chống đẩy (lần) | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 18 | 19 | 20 | 21 |
| KỸ THUẬT | Lốp cầu vào ô quy định 20 quả (điểm) | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 25 | 26 | 27 | 28 | 29 |
| | Phát cầu cao sâu thuận tay 20 quả (điểm) | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 |
| | Phát cầu thấp gần trái tay 20 quả (điểm) | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 | 29 | 30 | 31 | 32 | 33 |
| | Bỏ nhỏ 2 góc lưới 20 quả (điểm) | 21 | 22 | 24 | 25 | 27 | 28 | 29 | 31 | 32 | 33 |

2.2.2. Xây dựng tiêu chuẩn phân loại các test đánh giá trình độ thể lực chuyên môn và kỹ thuật cơ bản của nam sinh viên chuyên ngành GDTC khi học môn Cầu lông tại Trường Đại học Đồng Tháp

Việc xây dựng thang điểm tiêu chuẩn sẽ cho phép tính điểm cho từng sinh viên với từng test đánh giá. Tuy nhiên, để lượng hoá được các test khác nhau trong quá trình đánh giá, phân loại thể lực chuyên môn và kỹ thuật cơ bản của nam sinh viên chuyên ngành GDTC Trường Đại học Đồng Tháp, nghiên cứu tiến hành xây dựng tiêu chuẩn phân loại từng test làm 5 mức theo quy ước như sau:

- Xếp loại Tốt: từ 9 đến 10 điểm.

- Xếp loại Khá: từ 7 đến dưới 9 điểm.
 - Xếp loại Trung bình: từ 5 đến dưới 7 điểm.
 - Xếp loại Yếu: từ 3 đến dưới 5 điểm.
 - Xếp loại Kém: từ 0 đến dưới 3 điểm.

Theo thang điểm C đã được xây dựng tại mục 2.2.1, thì mỗi test có số điểm cao nhất là 10 điểm. Dựa vào số test đánh giá thể lực chuyên môn và kỹ thuật cơ bản của nam sinh viên chuyên ngành GDTC Trường Đại học Đồng Tháp là 06 test thể lực và 04 test kỹ thuật, vậy thể lực tương ứng với tổng điểm tối đa 60 điểm và kỹ thuật tương ứng với tổng điểm tối đa 40 điểm. Theo quy ước trên thì nghiên cứu tiến hành xây dựng bảng điểm phân loại thể lực chuyên môn và kỹ thuật cơ bản cho khách thể nghiên cứu ở Bảng 5.

Bảng 5. Bảng điểm phân loại tổng hợp thể lực chuyên môn và kỹ thuật cơ bản của nam sinh viên chuyên ngành GDTC Trường Đại học Đồng Tháp

| YẾU TỐ | TEST | PHÂN LOẠI | | | | |
|----------|------|-----------|----------|------------|----------|---------|
| | | Kém | Yếu | Trung bình | Khá | Tốt |
| Thể lực | 6 | 0 → <18 | 18 → <30 | 30 → <42 | 42 → <54 | 54 → 60 |
| Kỹ thuật | 4 | 0 → <12 | 12 → <20 | 20 → <28 | 28 → <36 | 36 → 40 |

2.2.3. Ứng dụng tiêu chuẩn đánh giá trình độ thể lực chuyên môn và kỹ thuật cơ bản của nam sinh viên chuyên ngành GDTC khi học môn Cầu lông tại Trường Đại học Đồng Tháp

Căn cứ vào bảng điểm thành tích từng test (Bảng 4), bảng điểm phân loại tổng hợp (Bảng

5) và căn cứ vào thành tích kiểm tra ban đầu của khách thể, nghiên cứu tiến hành tính điểm và phân loại các test đánh giá thể lực chuyên môn và kỹ thuật cơ bản của nam sinh viên chuyên ngành GDTC Trường Đại học Đồng Tháp. Kết quả trình bày tại Bảng 6 và 7.

Bảng 6. Bảng điểm và phân loại thể lực chuyên môn của nam sinh viên chuyên ngành GDTC khi học môn Cầu lông tại Trường Đại học Đồng Tháp

| TT | Họ và tên | Nhảy dây đơn 1 phút (lần) | Di chuyển ngang sân đơn 10 lần (s) | Di chuyển lùi mô phỏng động tác đập sùi cầu 10 lần (s) | Di chuyển 4 góc sân 10 lần (s) | Ném cầu đi xa (cm) | Nắm sập chống đẩy (lần) | Tổng điểm | Xếp loại |
|----|-----------------------|---------------------------|------------------------------------|--|--------------------------------|--------------------|-------------------------|-----------|----------|
| 1 | Diên Trương Lê Duẩn | 6,6 | 5,8 | 4,7 | 8,0 | 4,6 | 7,8 | 37,4 | TB |
| 2 | Trần Quang Nghị | 7,4 | 7,8 | 6,8 | 6,9 | 6,9 | 7,8 | 43,5 | Khá |
| 3 | Đặng Nguyễn Phúc Nhân | 7,0 | 6,8 | 5,8 | 6,1 | 6,0 | 4,1 | 35,7 | TB |
| 4 | Châu Thành Đạt | 2,9 | 4,7 | 3,7 | 3,9 | 3,5 | 5,3 | 24,1 | Yếu |

| | | | | | | | | | |
|----|---------------------|-----|-----|-----|-----|-----|-----|------|-----|
| 5 | Nguyễn Huỳnh Đức | 2,9 | 1,6 | 2,6 | 2,1 | 0,7 | 6,6 | 16,5 | Kém |
| 6 | Đoàn Quốc Khang | 5,3 | 5,8 | 4,7 | 5,4 | 7,0 | 5,3 | 33,6 | TB |
| 7 | Trương Minh Đạt | 5,3 | 5,8 | 5,8 | 5,8 | 7,3 | 2,9 | 32,8 | TB |
| 8 | Nguyễn Hoài Lam | 3,3 | 3,7 | 3,7 | 3,5 | 3,6 | 2,9 | 20,8 | Yếu |
| 9 | Trần Hoàng Duy | 2,5 | 2,7 | 1,6 | 2,4 | 4,1 | 0,4 | 13,7 | Kém |
| 10 | Nguyễn Trường Giang | 4,9 | 4,7 | 4,7 | 4,3 | 3,8 | 4,1 | 26,6 | Yếu |
| 11 | Lê Minh Huy | 6,2 | 5,8 | 7,9 | 7,3 | 6,6 | 6,6 | 40,2 | TB |
| 12 | Lê Quan Trường | 2,1 | 1,6 | 2,6 | 1,7 | 2,3 | 5,3 | 15,7 | Kém |
| 13 | Nguyễn Hoài Vũ Linh | 8,2 | 7,8 | 7,9 | 6,9 | 6,9 | 5,3 | 42,9 | Khá |
| 14 | Nguyễn Minh Cường | 7,0 | 6,8 | 7,9 | 6,5 | 6,9 | 4,1 | 39,1 | TB |
| 15 | Hồ Văn Chí Bảo | 3,3 | 3,7 | 4,7 | 4,3 | 4,9 | 6,6 | 27,5 | Yếu |

Bảng 6 cho thấy, kết quả xếp loại thể lực chuyên môn của nam sinh viên chuyên ngành GDTC Trường Đại học Đồng Tháp như sau:

- Có 2 nam sinh viên đạt loại Khá, chiếm tỷ lệ 13,33%.

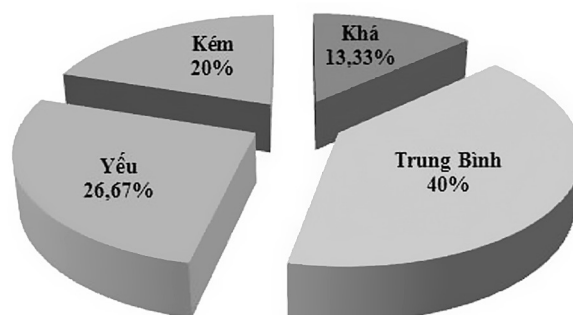
- Có 6 nam sinh viên đạt loại Trung bình, chiếm tỷ lệ 40%.

- Có 4 nam sinh viên đạt loại Yếu, chiếm tỷ lệ 26,67%.

- Có 3 nam sinh viên đạt loại Kém, chiếm tỷ lệ 20%.

Tỷ lệ xếp loại thể lực chuyên môn của nam sinh viên chuyên ngành GDTC Trường Đại học

Đồng Tháp được thể hiện ở Biểu đồ 1.



Biểu đồ 1. Tỷ lệ xếp loại thể lực chuyên môn của nam sinh viên chuyên ngành GDTC Trường Đại học Đồng Tháp

Bảng 7. Bảng điểm và phân loại kỹ thuật cơ bản của nam sinh viên chuyên ngành GDTC khi học môn Cầu lông tại Trường Đại học Đồng Tháp

| TT | Họ và tên | Lớp cầu vào ô quy định 20 quả (điểm) | Phát cầu cao sâu thuận tay 20 quả (điểm) | Phát cầu thấp gần trái tay 20 quả (điểm) | Bỏ nhỏ 2 góc lưới 20 quả (điểm) | Tổng điểm | Xếp loại |
|----|-----------------------|--------------------------------------|--|--|---------------------------------|-----------|----------|
| 1 | Diên Trương Lê Duẩn | 5,5 | 6,8 | 7,1 | 7,5 | 26,9 | TB |
| 2 | Trần Quang Nghị | 2,9 | 4,1 | 4,2 | 5,3 | 16,5 | Yếu |
| 3 | Đặng Nguyễn Phúc Nhân | 5,5 | 1,3 | 1,4 | 3,1 | 11,3 | Kém |
| 4 | Châu Thành Đạt | 8,1 | 6,8 | 7,1 | 5,3 | 27,3 | TB |
| 5 | Nguyễn Huỳnh Đức | 8,1 | 6,8 | 7,1 | 5,3 | 27,3 | TB |
| 6 | Đoàn Quốc Khang | 5,5 | 6,8 | 4,2 | 3,1 | 19,7 | Yếu |

| | | | | | | | |
|----|---------------------|-----|-----|-----|-----|------|-----|
| 7 | Trương Minh Đạt | 8,1 | 6,8 | 7,1 | 5,3 | 27,3 | TB |
| 8 | Nguyễn Hoài Lam | 2,9 | 1,3 | 1,4 | 7,5 | 13,1 | Yếu |
| 9 | Trần Hoàng Duy | 2,9 | 4,1 | 4,2 | 5,3 | 16,5 | Yếu |
| 10 | Nguyễn Trường Giang | 2,9 | 6,8 | 7,1 | 0,9 | 17,8 | Yếu |
| 11 | Lê Minh Huy | 5,5 | 4,1 | 4,2 | 7,5 | 21,3 | TB |
| 12 | Lê Quan Trường | 2,9 | 6,8 | 7,1 | 3,1 | 20,0 | Yếu |
| 13 | Nguyễn Hoài Vũ Linh | 5,5 | 4,1 | 4,2 | 3,1 | 16,9 | Yếu |
| 14 | Nguyễn Minh Cường | 2,9 | 4,1 | 4,2 | 7,5 | 18,7 | Yếu |
| 15 | Hồ Văn Chí Bảo | 5,5 | 4,1 | 4,2 | 5,3 | 19,1 | Yếu |

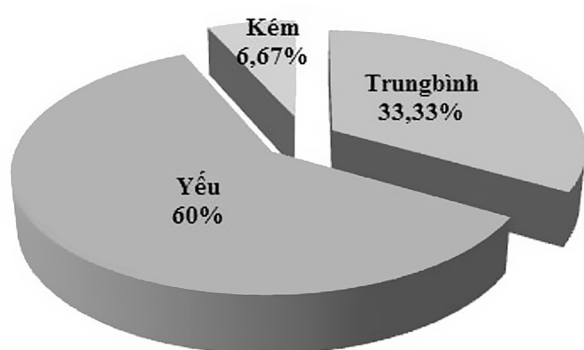
Bảng 7 cho thấy, kết quả xếp loại kỹ thuật cơ bản của nam sinh viên chuyên ngành GDTC Trường Đại học Đồng Tháp như sau:

- Có 5 nam sinh viên đạt loại Trung bình, chiếm tỷ lệ 33,33%.

- Có 9 nam sinh viên đạt loại Yếu, chiếm tỷ lệ 60%.

- Có 1 nam sinh viên đạt loại Kém, chiếm tỷ lệ 6,67%.

Tỷ lệ xếp loại kỹ thuật cơ bản của nam sinh viên chuyên ngành GDTC Trường Đại học Đồng Tháp được thể hiện ở Biểu đồ 2.



Biểu đồ 2. Tỷ lệ xếp loại kỹ thuật cơ bản của nam sinh viên chuyên ngành GDTC Trường Đại học Đồng Tháp

Từ kết quả trên có thể thấy, việc xây dựng được thang điểm C dùng để đánh giá từng test thể lực chuyên môn và kỹ thuật cơ bản. Từ đó

giúp dễ dàng, thuận tiện cho các giảng viên kiểm tra từng test cụ thể ở từng sinh viên, trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch giảng dạy phù hợp nhằm nâng cao thành tích ở từng test, góp phần nâng cao hiệu quả học tập cho sinh viên.

Bên cạnh việc xây dựng thang điểm C, thì việc xây dựng được tiêu chuẩn phân loại theo từng test cũng giúp cho các giảng viên thuận tiện trong việc đánh giá, phân loại thể lực chuyên môn và kỹ thuật cơ bản một cách nhanh chóng và kịp thời.

Như vậy, kết quả nghiên cứu xây dựng được bảng điểm, tiêu chuẩn phân loại và bảng điểm phân loại tổng hợp là những thông tin khoa học rất có giá trị về mặt lý luận và thực tiễn. Các kết quả đó cũng đảm bảo tính khách quan, cơ sở khoa học và độ tin cậy để ứng dụng vào việc kiểm tra đánh giá thể lực chuyên môn và kỹ thuật cơ bản của nam sinh viên chuyên ngành GDTC Trường Đại học Đồng Tháp, nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy nói chung và nâng cao thành tích học tập cho sinh viên nói riêng.

3. Kết luận

Từ những kết quả nghiên cứu trên, nghiên cứu rút ra một số kết luận sau:

3.1. Qua tổng hợp, phỏng vấn lựa chọn và kiểm nghiệm độ tin cậy, tính thông báo, nghiên cứu đã xác định được 06 test về thể lực và 04 test về kỹ thuật dùng để kiểm tra thành tích thể lực chuyên môn và kỹ thuật cơ bản của nam sinh viên chuyên ngành GDTC khi học môn Cầu lông tại Trường Đại học Đồng Tháp, bao gồm:

- Về thể lực: Nhảy dây đơn 1 phút (lần), Di chuyển ngang sân đơn 10 lần (s), Di chuyển tiến lùi mô phỏng động tác đập sỏi cầu 10 lần (s), Di chuyển 4 góc sân 10 lần (s), Ném cầu đi xa (cm), Nằm sấp chống đẩy (lần).

- Về kỹ thuật: Lốp cầu vào ô quy định 20 quả (điểm), Phát cầu cao sâu thuận tay 20 quả (điểm), Phát cầu thấp gần trái tay 20 quả (điểm), Bỏ nhỏ 2 góc lưới 20 quả (điểm).

3.2. Đã xây dựng được tiêu chuẩn đánh giá thể lực chuyên môn và kỹ thuật cơ bản cho nam sinh viên chuyên ngành GDTC khi học môn Cầu lông tại Trường Đại học Đồng Tháp. Trong đó, đã xây dựng được thang điểm C, tiêu chuẩn phân loại, cũng như ứng dụng tiêu chuẩn đánh giá thể lực chuyên môn và kỹ thuật cơ bản./.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu này được hỗ trợ bởi đề tài nghiên cứu khoa học Trường Đại học Đồng Tháp, mã số SPD2019.01.09.

Tài liệu tham khảo

Hoàng, T. T. T. (2014). *Nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn đánh giá trình độ thể lực và kỹ thuật cầu lông cho sinh viên chuyên ngành Giáo dục thể chất khóa 10 sau khi học xong cầu lông ở trường Cao đẳng sư phạm Cà Mau*. Luận văn thạc sĩ Giáo dục học, Trường Đại học Sư phạm Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh.

Lê, Q. H. M. (2018). *Nghiên cứu đánh giá trình độ thể lực và kỹ thuật của nam sinh viên đội tuyển cầu lông Trường Đại học Công nghiệp thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh sau 1 năm tập luyện*. Luận văn thạc sĩ Giáo

dục học, Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh.

Lương, T. T. (2015). *Đánh giá trình độ thể lực và kỹ thuật của sinh viên chuyên sâu cầu lông năm nhất chuyên ngành huấn luyện thể thao sau một năm học tập*. Luận văn thạc sĩ Khoa học giáo dục, Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyễn, T. T. H. (2018a). *Nghiên cứu đánh giá trình độ thể lực và kỹ thuật của vận động viên cầu lông nữ lứa tuổi 14-15 tỉnh Đồng Nai sau 1 năm tập luyện*. Luận văn thạc sĩ Giáo dục học, Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyễn, T. L. (2018b). *Nghiên cứu sự phát triển trình độ thể lực và kỹ thuật cho đội tuyển cầu lông nam sinh viên Trường Cao đẳng kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh qua 1 năm tập luyện*. Luận văn thạc sĩ Giáo dục học, Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh.

Phạm, V. T. (2011). *Nghiên cứu sự phát triển thể lực chuyên môn và kỹ thuật cơ bản của nam sinh viên chuyên sâu cầu lông năm thứ hai và thứ ba Trường Đại học Đồng Tháp sau một năm học*. Luận văn thạc sĩ Giáo dục học, Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh.

Trần, M. H. (2013). *Nghiên cứu xây dựng hệ thống các bài tập phát triển thể lực chuyên môn cho nam sinh viên chuyên sâu Cầu lông Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh*. Luận văn thạc sĩ Giáo dục học, Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh.